

Bản án số: 1567/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07/11/2019.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Võ Thị Nam

2/ Ông Trần Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 443/2012/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2012 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4285/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8225/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 671 Đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trương Thị Tuyết N, sinh năm 1961.

Địa chỉ thường trú: 671 Đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Căn hộ, 92 Đường H, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang thụ hình tại : Trại giam Tổng Lê Chân – Cục C10 – Bộ Công An.

(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 29/5/2012 nguyên đơn ông Vũ Văn H trình bày:

Ông và bà Trương Thị Tuyết N tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 00026 quyền 01/1984 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/6/1984.

Mâu thuẫn phát sinh từ những năm 2001 đến nay và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Tất cả do thiếu lòng tin và sự tôn trọng lẫn nhau nên ông đề nghị Tòa án cho được ly hôn với bà Trương Thị Tuyết N.

Con chung: Ông H khai quá trình chung sống có 02 con chung tên Vũ Hải A sinh ngày 27/10/1985 (đã trưởng thành) và Vũ Hải Minh A1 sinh ngày 14/12/1993 (đã trưởng thành).

Tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 17/7/2012 ông H làm đơn khởi kiện bổ sung việc chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân bao gồm các tài sản:

1. Thửa đất số: 2.358m² đất lúa tại thửa số 2089, tờ bản đồ số 2, phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/6/2000, đăng ký thay đổi ngày 03/5/2007).

2. Thửa đất số: 1.556m² đất lúa tại thửa số 2067, tờ bản đồ số 2, phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00201 QSDĐ /01 do Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/3/2000, đã đăng ký thay đổi ngày 24/5/2001).

3. Thửa đất số: 4.727m² đất lúa tại thửa số 1929, tờ bản đồ số 2, phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00174 QSDĐ/01 do Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/3/2000, đăng ký thay đổi ngày 08/6/2007).

4. Thửa đất số: 4.376m² đất lúa tại thửa số 1914, tờ bản đồ số 2, phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00233 do Ủy ban nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/6/2000, đăng ký thay đổi ngày 08/6/2007).

5. Thửa đất số: 11.442m² đất lúa tại thửa số 502, tờ bản đồ số 03,31 (theo tài liệu đo năm 2003), phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00045 do Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/3/2000, đăng ký thay đổi ngày 29/6/2007). Hợp đồng ủy quyền ngày 03/4/2008.

6. Thửa đất số: 1.119m² đất lúa tại thửa số 2178, tờ bản đồ số 2, phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00334 do Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/8/11/2001, đăng ký thay đổi ngày 26/02/2007).

7. Thửa đất số: 1.118m² đất lúa tại thửa số 2177, tờ bản đồ số 2, phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00335 do Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2001, đăng ký thay đổi ngày 26/02/2007).

8. Bệnh viện đa khoa quốc tế Vũ Anh tọa lạc tại 15-16 đường P, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. 01 xe ô tô hiệu LEXUS 600HL biển số: 52F xxxx

10. Căn nhà số 671 Đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Căn nhà số A31 cư xá L, Phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07/8/2012, nộp tạm ứng án phí 79.000.000 đồng.

Ngày 16/8/2019 ông H làm đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản. Đề nghị Tòa xử giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trương Thị Tuyết N, tài sản tự thỏa thuận giải quyết.

Ngày 14/11/2012, bà Trương Thị Tuyết N trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý và xin được ly hôn với ông Vũ Văn H, với lý do tình nghĩa vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt, đã sống ly thân từ cuối năm 2009.

- Con chung: Vũ Hải A sinh năm 1985 và Vũ Hải Minh A1 sinh năm 1993.

- Tài sản chung: Bà đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng chỉ gồm có: Căn nhà số 671 Đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà số 18 ngõ T, quận B, Thành phố Hà Nội.

+ Xe ô tô hiệu Lexus 600HL, biển số 52F 8212 đã bán trả nợ hết.

+ Các tài sản khác ông Vũ Văn H yêu cầu chia, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên tôi không đồng ý chia.

Ý kiến đề nghị quý Tòa xét xử ly hôn trước, còn về vấn đề tài sản chung xin được tách thành một vụ án khác để giải quyết bằng một vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn.

- Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 24/02/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định thi hành án hình phạt tù số 157/2017/QĐ-CA quyết định thi hành án hình phạt tù đối với bà Trương Thị Tuyết N theo bản án hình sự phúc thẩm số 29/2017/HSPT ngày 23/01/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12/9/2019, Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Trại giam Tổng Lê Chân. Bà N đã không ký vào các biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các biên bản tổng đạt.

Ngày 10/10/2019 Trại giam Tổng Lê Chân đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng : Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 449/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4285/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/9/2019, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm lúc 13 giờ 30 phút ngày 10/10/2019 cho bà Trương Thị Tuyết N nhưng bà Trương Thị Tuyết N không nhận các quyết định, văn bản trên (Trại giam Tổng Lê Chân đã lập biên bản về việc tổng đạt không thành).

Ngày 10/10/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 5476/TATP-TGĐVNCTN về việc yêu cầu trích xuất phạm nhân Trương Thị Tuyết N đến phiên tòa sơ thẩm lúc 13 giờ 30 phút ngày 07/11/2019.

Ngày 28/10/2019 tại Trại tạm giam Chí Hòa – Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành tổng đạt: Quyết định hoãn phiên tòa số 8225/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/10/2019, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lúc 13 giờ 30 phút ngày 07/11/2019, Lệnh trích xuất ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân cho bà Trương Thị Tuyết N tuy nhiên bà N không nhận các văn bản nêu trên. Thư ký Tòa án đã đọc nội dung các văn bản trên cho bà Nga nghe có sự chứng kiến của cán bộ Trại giam Chí Hòa - ông Lê Phương T (đã lập biên bản ghi nhận sự việc). Bà Nga có làm đơn yêu cầu không đồng ý – không chấp nhận ly hôn và xin vắng mặt tại phiên tòa, nội dung: Hôm nay tôi làm đơn kính mong thẩm phán hiểu và giúp đỡ cho gia đình nhà tôi được đoàn tụ. Vì quá trình tôi bị bắt oan sai, chồng tôi đã thấu hiểu, làm đơn kêu oan cho tôi. Đơn năm 2012 tôi có ký gửi cho Tòa án là đồng ý ly hôn nhưng quá trình tôi bị bắt oan sai, anh H đã thay đổi nên tôi yêu cầu thẩm phán Lê Phan Thị Minh Nguyệt hủy đơn tôi viết năm 2012 không còn giá trị nữa. Tại thời điểm hôm nay là ngày 28/10/2019 tôi không đồng ý không ly hôn với chồng tôi là Vũ Văn H. Hiện tại sức khỏe của tôi rất yếu, tôi làm đơn kính gửi thẩm phán Lê Phan Thị Minh Nguyệt không giải quyết ly hôn và không đồng ý chia tài sản. Tôi xin vắng mặt tại phiên tòa 13 giờ 30 phút ngày 07 tháng 11 năm 2019. Đề nghị Tòa không chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Vũ Văn H vì tôi và chồng tôi vẫn còn thương yêu nhau. Kính mong quý Tòa xem xét và chấp thuận.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 07/11/2019, nguyên đơn ông Vũ Văn H có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Ngày 28/10/2019 bị đơn bà Trương Thị Tuyết N có đơn yêu cầu về việc không đồng ý – không chấp nhận ly hôn và vắng mặt tại phiên tòa lúc 13 giờ 30 phút ngày 07 tháng 11 năm 2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải

quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm” tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Vũ Văn H được ly hôn với bà Trương Thị Tuyết N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét ông Vũ Văn H và bà Trương Thị Tuyết N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của ông Vũ Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 00026 quyển 01/1984 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/6/1984 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Vũ Văn H và bà Trương Thị Tuyết N là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai năm 2012 của ông H và bà N thì cuộc sống vợ chồng ông bà đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn nên đã ly thân từ cuối năm 2009. Tòa án đã cố gắng hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H vẫn cương quyết xin ly hôn và cho rằng tình cảm vợ chồng đã không còn giờ chỉ còn tình nghĩa, bà N vẫn là mẹ của các con ông nên ông vẫn lo lắng làm đơn kêu oan cho bà N, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà N để ổn định cuộc sống trong khi bà N có lời khai ngày 28/10/2019 trình bày: Bà không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn ly hôn của ông H vì bà và ông H vẫn còn thương yêu nhau. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng ông H và bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng sống ly thân từ năm 2009 đến nay ông H vẫn cương quyết xin ly hôn càng không có điều kiện vun đắp có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H tuyên ông Vũ Văn

H được ly hôn với bà Trương Thị Tuyết N như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Vũ Hải A sinh ngày 27/10/1985 (đã trưởng thành) và Vũ Hải Minh A1 sinh ngày 14/12/1993 (đã trưởng thành).

Tài sản chung: Ông H đã rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, bà N cũng đồng ý không chia tài sản nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của ông H.

Nợ chung: Không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Căn cứ vào Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Vũ Văn H phải chịu theo quy định tại Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Do nguyên đơn ông Vũ Văn H rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên Tòa án đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu này. Căn cứ Khoản 3 Điều 218 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của ông Vũ Văn H đã nộp được trả lại cho ông Hải.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn H.

Quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Văn H được ly hôn với bà Trương Thị Tuyết N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 00026 quyền 01/1984 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/6/1984 cho ông Vũ Văn H và bà Trương Thị Tuyết N không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Quá trình chung sống ông H và bà N có 02 con chung tên Vũ Hải A sinh ngày 27/10/1985 và Vũ Hải Minh A sinh ngày 14/12/1993 (đều đã trưởng thành).

Tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của ông Vũ Văn H.

3/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Vũ Văn H phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2010/02201 ngày 02/7/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Vũ Văn H đã nộp đủ.

Hoàn lại cho ông Vũ Văn H số tiền tạm ứng án phí 79.000.000 (Bảy mươi chín triệu) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2010/02527 ngày 07/8/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo bản án là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông H, bà N nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Nam Trần Văn Cảnh

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Nam Trần Văn Cảnh

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Nam Trần Văn Cảnh

Lê Phan Thị Minh Nguyệt